

Bản án số: 37/2022/HSST

Ngày: 24/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu Văn Hồ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh

2. Ông Nguyễn Hồng Hải

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Quốc Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 166/2021HSST, ngày 15/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐXXST-HS ngày 23/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Lương Đức T** - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 09 tháng 3 năm 20xx; Giới tính: Nam

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn 4, H, xã M, huyện M, Thành Phố H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/6/2021 có hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù tại Bản án số 57 ngày 28/9/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx, mẹ đẻ của bị cáo; (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

Địa chỉ: Thôn 4, H, xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lương Đức T: Bà Nguyễn Thị D. Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

*** Người bị hại:**

- Anh Vì Văn D, sinh năm 19xx (Có mặt)

Nơi ở và hộ khẩu thường trú: Bản N, xã C, huyện V, tỉnh S

Chỗ ở: xóm T, xã N, thị xã P, tỉnh T

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Chu Hữu C, sinh năm 19xx; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B

- Bà Triệu Thị T, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

***Người làm chứng:**

- Anh NguyễnBAT M, sinh năm 19xx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố T, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với anh Vì Văn D, nên buổi sáng ngày 17/5/2021, Nguyễn Lương Đức T đã đến cửa hàng độ xe Minh Decal có địa chỉ tại xóm T, xã N, thị xã Phở Yên, tỉnh Thái Nguyên, nơi anh D đang làm việc để xin việc làm. Sau khi đến quán, T ngồi chơi đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì thấy anh NguyễnBAT M là chủ quán đang ở trong nhà, còn anh D đang tắm ở ngoài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào trong quán, tìm lấy chìa khóa của chiếc xe mô tô BKS 20B1-903.12 của anh D đang treo trên giá để dụng cụ rồi dắt xe mô tô ra đường nổ máy trộm cắp chiếc xe đi. Sau khi lấy được chiếc xe, T đi lên khu vực thành phố Thái Nguyên và ngủ tại đây. Đến ngày 18/5/2021, T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực xóm T, xã L, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên thì dừng lại tháo biển số xe vứt đi rồi tiếp tục điều khiển xe đi lên khu vực thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và mang chiếc xe đến quán sửa xe của anh Chu Hữu C; trú tại: Thôn N, xã D, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, bán cho anh C được số tiền 1.000.000 đồng. Bán chiếc xe xong, T ra bến xe Bắc Kạn bắt xe đi về thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Số tiền bán xe, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô mua lại của T sau đó anh C đã bán lại cho 01 người khách không quen biết, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phở Yên, kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer, BKS 20B1- 903.12, màu sơn cam-đen, trị giá là 19.000.000 đồng”.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer, BKS 20B1-903.12 là tài sản hợp pháp của anh Vì Văn D mua lại của bà Triệu Thị T, sinh năm 1966; trú tại: xóm Đ, xã Q, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình

điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được tài sản là chiếc xe mô tô nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSPY ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Lương Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên giữ quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lương Đức T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; các Điều 90, 91, 101 và Điều 38, 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lương Đức T từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù giam.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 28/9/202 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Xử phạt bị cáo T 01 (Một) năm tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai Bản án từ 24 tháng đến 27 tháng, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2021

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự,

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu số tiền bán xe mô tô do thu lời bất chính của bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh D đề nghị bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô trị giá 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo T nhất trí, do vậy công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại anh D. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Vì Văn D số tiền là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Chu Hữu C và bà Triệu Thị T, đều không có yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí về tội danh theo quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đó là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xem xét đến các yếu tố khác như nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh, độ tuổi của bị cáo khi phạm tội và đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; các Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Phổ Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản. Như vậy; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có quen biết với anh Vì Văn Duy, nên buổi sáng ngày 17/5/2021, Nguyễn Lương Đức T đã đến cửa hàng độ xe Minh Decal, nơi anh D đang làm việc để xin việc làm. Sau khi đến quán, T ngồi chơi đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì thấy anh NguyễnBAT M, đang ở trong nhà, còn anh D đang tắm ở ngoài. Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản nên T đi vào trong quán, tìm lấy chìa khóa của chiếc xe mô tô BKS 20B1-903.12 của anh Duy đang treo trên giá để dụng cụ rồi dắt xe mô tô ra đường nổ máy trộm cắp chiếc xe đi. Sau khi lấy được chiếc xe, T đã mang chiếc xe đến quán sửa xe của anh Chu Hữu C; Trú tại: Thôn N, xã D, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, bán cho anh C được số tiền 1.000.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer, BKS 20B1-903.12, màu sơn cam, đen, trị giá là 19.000.000 đồng”.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản do Nguyễn Lương Đức T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số: 03/CT-VKTPY ngày 15/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã

truy tố bị cáo Nguyễn Lương Đức T về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ,

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, của tổ chức được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình có thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu số tiền bán xe mô tô do thu lời bất chính của bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Duy yêu đề nghị bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô trị giá 19.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã đủ 18 tuổi, nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Vĩ Văn Duy số tiền 19.000.000 đồng)

*. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Anh Chu Hữu C, bà Triệu Thị Thoan không yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát; Người bào chữa cho bị cáo đề nghị đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này, anh Chu Hữu C là người đã mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp. Tuy nhiên, anh C không biết đây là tài sản do T trộm cắp, nên hành vi

của anh C không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên không xem xét xử lý đối với anh C là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án dân sự theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s, i khoản 1 Điều 51, các Điều 90, 91, 101 và Điều 38, 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Lương Đức T**, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1/ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Lương Đức T** 12 (Mười hai) tháng tù Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Xử phạt bị cáo T 01 (Một) năm tù giam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/10/2021.

Áp dụng: Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Lương Đức T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại anh Duy. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh **Vĩ Văn Duy** số tiền là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Duy có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bị cáo không thi hành số tiền phải bồi thường trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

5/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc

bị cáo Nguyễn Lương Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh. Thái Nguyên;
- VKSND TX Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TX Phổ Yên;
- THADS TX Phổ Yên;
- THA phạt tù, Trại tạm giam;
- Người bào chữa;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Âu Văn Hồ